

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2010	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	13 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần CMC trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần CMC là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Công nghiệp Bê tông và Vật liệu Xây dựng theo Quyết định số 484/QĐ - BXD ngày 23 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1803000395 ngày 20 tháng 04 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 số 1803000395 ngày 20 tháng 04 năm 2007; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 số 1803000395 ngày 13 tháng 12 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 số 1803000395 ngày 24 tháng 07 năm 2008.

Vốn điều lệ: 40.000.000.000 đồng.

Danh sách cổ đông theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Sông Hồng (Người đại diện Quản lý phần vốn Nhà nước)	2.000.000.000	5,00
Các cổ đông là thể nhân khác	38.000.000.000	95,00
Cộng	40.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Phố Anh Dũng – Phường Tiên Cát – Thành phố Việt Trì – Tỉnh Phú Thọ
Điện thoại : 0210.3846619
Fax : 0210.3847729
Mã số thuế : 2 6 0 0 1 0 6 5 2 3

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC tại Hồ Chí Minh	183 Lý Thường Kiệt, phường 6, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC tại Đà Nẵng	21 Ngô Chân Lưu, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC tại Hà Nội	Số 26/2 Ngõ 203, Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất kinh doanh: Vật liệu xây dựng (gạch ngói, các loại tấm lợp, ...) đường ống thoát nước và phụ kiện nước, thiết bị gia công chế biến gỗ dân dụng và gỗ xây dựng, cầu kiện đúc sẵn, bê tông thương phẩm;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, đường dây và trạm biến áp, lắp đặt đường điện chiếu sáng, trang trí nội thất ngoại thất;
- Gia công lắp đặt thiết bị trong các ngành công nghiệp, thủy lợi dân dụng giao thông và chuyên ngành cấp thoát nước;
- Kinh doanh than, nhiên liệu chất đốt;

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Kinh doanh vận tải bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng: Xi măng, sắt, thép;
- Kinh doanh kim khí, vật liệu điện./.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 27).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Kiều Văn Linh	Chủ tịch	26 tháng 10 năm 2006
Ông Nguyễn Quang Huy	Ủy viên	03 tháng 04 năm 2006
Ông Dương Quốc Chính	Ủy viên	03 tháng 04 năm 2006
Ông Kiều Sơn Hùng	Ủy viên	11 tháng 06 năm 2008
Ông Đỗ Phúc Viện	Ủy viên	11 tháng 06 năm 2008
Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân	Ủy viên	11 tháng 06 năm 2008
Ông Dương Mạnh Tiềm	Ủy viên	11 tháng 06 năm 2008

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Kim Huế	Trưởng ban	28 tháng 04 năm 2009
Ông Tạ Quang Vững	Thành viên	28 tháng 04 năm 2009
Ông Nguyễn Văn Kiêm	Thành viên	28 tháng 04 năm 2009

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Quang Huy	Giám đốc	20 tháng 10 năm 2006
Ông Dương Quốc Chính	Phó Giám đốc	30 tháng 08 năm 2007
Ông Đỗ Phúc Viện	Phó Giám đốc	03 tháng 05 năm 2006
Ông Kiều Sơn Hùng	Phó Giám đốc	03 tháng 05 năm 2006

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Nguyễn Quang Huy

Ngày 10 tháng 08 năm 2010

Số: 386 /2010/BCTC-KTTV-KT1

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CMC**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần CMC gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, được lập ngày tháng năm 2010, từ trang 06 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính tổng hợp này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Hoàng Đức

Số chứng chỉ KTV: 0368/KTV

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2010

Cao Thu Hiền

Số chứng chỉ KTV: 0803/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		105,805,308,102	81,556,365,562
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	26,276,777,173	7,749,161,837
1. Tiền	111		20,876,777,173	7,749,161,837
2. Các khoản tương đương tiền	112		5,400,000,000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27,622,302,186	26,843,472,191
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	23,221,602,258	23,468,397,053
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	2,542,180,621	1,072,576,162
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	3,301,835,288	3,726,080,436
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(1,443,315,981)	(1,423,581,460)
IV. Hàng tồn kho	140		51,009,037,061	46,251,157,548
1. Hàng tồn kho	141	V.6	51,093,055,136	46,358,649,288
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(84,018,075)	(107,491,740)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		897,191,682	712,573,986
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	2,209,725	5,525,317
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6,466,179	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	888,515,778	707,048,669

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		51,463,971,189	57,126,163,433
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		51,463,971,189	57,074,293,433
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	51,300,524,854	56,942,665,280
Nguyên giá	222		231,835,061,979	229,407,017,862
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(180,534,537,125)	(172,464,352,582)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	163,446,335	131,628,153
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	28,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	-	28,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	23,870,000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	-	23,870,000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		157,269,279,291	138,682,528,995

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		96,350,349,418	79,379,774,718
I. Nợ ngắn hạn	310		85,551,396,044	66,783,662,299
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	43,184,648,003	34,157,574,668
2. Phải trả người bán	312	V.15	29,770,854,619	21,312,073,524
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	441,665,888	560,439,169
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	7,039,062,970	4,519,330,718
5. Phải trả người lao động	315		1,769,625,668	3,486,196,058
6. Chi phí phải trả	316	V.18	62,671,900	39,309,422
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	1,957,043,877	2,707,678,888
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	1,325,823,119	1,059,852
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		10,798,953,374	12,596,112,419
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.21	966,400,000	566,400,000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	9,665,000,000	11,878,648,484
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.23	167,553,374	151,063,935
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		60,918,929,873	59,302,754,277
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	60,918,929,873	59,302,754,277
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40,000,000,000	40,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7,304,646,839	7,304,646,839
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,140,483,171	311,264,052
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12,473,799,863	11,686,843,386
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		157,269,279,291	138,682,528,995

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

-

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
Dollar Mỹ (USD)		302.10	302.20
Euro (EUR)		94.18	94.18
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 10 tháng 08 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Bình Minh

Dương Quốc Chính

Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	110,976,531,287
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2,167,318,710
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		108,809,212,577
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	83,077,335,426
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25,731,877,151
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	170,925,562
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	3,574,431,873
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2,440,211,782
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	2,627,193,977
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	5,595,630,880
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14,105,545,983
11. Thu nhập khác	31	VI.8	300,049,700
12. Chi phí khác	32	VI.9	118,336,863
13. Lợi nhuận khác	40		181,712,837
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14,287,258,820
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1,813,458,957
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12,473,799,863
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	3,118

Lập ngày 10 tháng 08 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Bình Minh

Dương Quốc Chính

Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	110,976,531,287
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2,167,318,710
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		108,809,212,577
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	83,077,335,426
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25,731,877,151
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	170,925,562
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	3,574,431,873
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2,440,211,782
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	2,627,193,977
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	5,595,630,880
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14,105,545,983
11. Thu nhập khác	31	VI.8	300,049,700
12. Chi phí khác	32	VI.9	118,336,863
13. Lợi nhuận khác	40		181,712,837
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14,287,258,820
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1,813,458,957
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12,473,799,863
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	3,118

Lập ngày 10 tháng 08 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Bình Minh

Dương Quốc Chính

Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14,287,258,820
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02		8,070,184,543
- Các khoản dự phòng	03		(3,739,144)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-
- Chi phí lãi vay	06		2,440,211,782
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		24,793,916,001
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(986,497,804)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4,734,405,848)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		7,364,072,583
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		27,185,592
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2,416,849,304)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(755,633,236)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		400,000,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2,430,400,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		21,261,387,984
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2,459,862,299)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		28,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư

30

(2,431,862,299)

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	<u>Năm nay</u>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		79,751,271,548
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(72,937,846,697)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7,115,335,200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		<u>(301,910,349)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		18,527,615,336
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	7,749,161,837
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>26,276,777,173</u>
Lập ngày 10 tháng 08 năm 20			
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc	
Nguyễn Thị Bình Minh	Dương Quốc Chính	Nguyễn Quang Huy	

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến
- 3. Hoạt động kinh doanh chính trong năm:**
 - Sản xuất kinh doanh: Vật liệu xây dựng (gạch ngói, các loại tấm lợp,...) đường ống thoát nước và phụ kiện nước, thiết bị gia công chế biến gỗ dân dụng và gỗ xây dựng, cầu kiện đúc sẵn, bê tông thương phẩm;
 - Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, đường dây và trạm biến áp, lắp đặt đường điện chiếu sáng, trang trí nội thất ngoại thất;
 - Đầu tư kinh doanh nhà.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trị giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền năm và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí thực tế phát sinh của Công trình xây dựng Dự án Nam Trung Yên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 15
Máy móc và thiết bị	5 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

7. Đầu tư tài chính

Khoản đầu tư mua trái phiếu giáo dục 5 năm được ghi nhận theo giá gốc.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Là các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 2% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phân chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 03 năm tiếp theo. Năm 2006 là năm đầu tiên Công ty bắt đầu kinh doanh có

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

lãi nhưng Công ty đã có Công văn số 79/CV – CMC ngày 06 tháng 03 năm 2008 đề nghị được nộp thuế năm 2006, bắt đầu miễn thuế từ năm 2007 và đã được Cơ quan thuế chấp nhận.

Như vậy, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2007, 2008 và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ năm 2009 đến năm 2011.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trình bày theo các đơn vị trực thuộc như sau:</i>		
Tiền mặt	503.123.295	569.733.234
Tại Văn phòng Công ty	45.683.766	261.700.964
Tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	235.688.060	36.747.586
Tại Chi nhánh Đà Nẵng	183.926.874	233.460.089
Tại Chi nhánh Hà Nội	37.824.595	37.824.595
Tiền gửi ngân hàng	20.373.653.878	7.179.428.603
Tại Văn phòng Công ty	19.914.378.660	7.109.826.073
Tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	16.962.295	15.561.759
Tại Chi nhánh Đà Nẵng	398.065.611	9.793.459
Tại Chi nhánh Hà Nội	44.247.312	44.247.312
Các khoản tương đương tiền	5.400.000.000	-
Tại Văn phòng Công ty	5.400.000.000	-
Cộng	26.276.777.173	7.749.161.837

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trình bày theo các đơn vị trực thuộc như sau:</i>		
Tại Văn phòng Công ty	13.752.163.706	11.988.223.700
Tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	2.143.461.337	4.585.729.184
Tại Chi nhánh Đà Nẵng	2.110.058.667	1.678.525.621
Tại Chi nhánh Hà Nội	5.215.918.548	5.215.918.548
Cộng	23.221.602.258	23.468.397.053

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trình bày theo các đơn vị trực thuộc như sau:</i>		
Tại Văn phòng Công ty	2.508.680.621	1.014.076.200
Tại Chi nhánh Đà Nẵng	33.500.000	58.499.962
Cộng	2.542.180.621	1.072.576.162

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu Tổng Công ty Sông Hồng các khoản	1.844.741.506	2.144.741.506
Thu CBCNV tiền cho vay	411.890.848	533.270.281
Lãi cho vay phải thu CNV	142.392.855	142.392.855
Các khoản cho các công ty khác vay bằng vật tư	44.990.288	44.990.288
Tiền tạm ứng của CB CNV đã nghỉ việc	65.107.720	64.085.774
Lãi mua công trái xây dựng Tổ quốc dự thu	-	10.523.000
Phải thu chi nhánh Miền Trung - Công trình Chợ Vinh chưa quyết toán	597.141.672	604.341.672
Khoản chi hộ bảo hiểm tiền thai sản cho CBCNV	66.951.399	91.524.602
Các khoản phải thu khác	128.619.000	90.210.458
Cộng	3.301.835.288	3.726.080.436

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	(587.868.476)	(587.868.476)
Nợ quá hạn trên 3 năm	(855.447.505)	(835.712.984)
Cộng	(1.443.315.981)	(1.423.581.460)

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	32.561.655.260	29.452.998.304
Công cụ, dụng cụ	186.347.362	256.657.840
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.324.124.319	1.324.124.319
Thành phẩm	14.786.108.755	14.598.834.782
Hàng hóa	2.234.819.440	726.034.043
Cộng	51.093.055.136	46.358.649.288

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Là khoản trích lập dự phòng giảm giá thành phẩm.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	107.491.740
Trích lập dự phòng bổ sung	16.082.355
Hoàn nhập dự phòng	(39.556.020)
Số cuối kỳ	84.018.075

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là chi phí Bảo hiểm xe ô tô

Số đầu năm	5.525.317
Tăng trong kỳ	-
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(3.315.592)
Số cuối kỳ	2.209.725

9. Tài sản ngắn hạn khác

Là tạm ứng của Cán bộ công nhân viên.

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	32.510.758.129	194.238.333.171	1.741.753.415	916.173.147	229.407.017.862
Tăng do mua sắm mới trong kỳ	-	2.116.981.517	311.062.600	-	2.428.044.117
Số cuối kỳ	32.510.758.129	196.355.314.688	2.052.816.015	916.173.147	231.835.061.979
<i>Trong đó:</i>					
Đã KH hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.505.288.086	71.457.813.872	238.905.964	641.648.825	73.843.656.747
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	20.887.620.284	148.042.637.292	2.828.092.000	706.003.006	172.464.352.582
Tăng do khấu hao	889.649.589	6.531.337.163	605.669.783	43.528.008	8.070.184.543
Số cuối kỳ	21.777.269.873	154.573.974.455	3.433.761.783	749.531.014	180.534.537.125
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	11.623.137.845	46.195.695.879	(1.086.338.585)	210.170.141	56.942.665.280
Số cuối kỳ	10.733.488.256	41.781.340.233	(1.380.945.768)	166.642.133	51.300.524.854

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 46.984.000.000 VND và 26.550.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Phú Thọ.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Số đầu năm	131.628.153
Tăng trong kỳ	31.818.182
Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	-
Số cuối kỳ	163.446.335

12. Đầu tư dài hạn khác

Là Công trái xây dựng Tổ quốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

13. Chi phí trả trước dài hạn

Là công cụ dụng cụ chờ phân bổ

Số đầu năm	23.870.000
Tăng trong kỳ	-
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	23.870.000
Số cuối kỳ	-

14. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	38.843.834.150	27.658.234.879
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ ^(a)</i>	36.947.834.150	20.835.883.024
<i>Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đền Hùng ^(b)</i>	-	6.822.351.855
<i>Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ ^(c)</i>	1.896.000.000	-
Vay cá nhân	3.555.813.853	3.837.032.953
Vay dài hạn đến hạn trả (<i>xem thuyết minh số V.21</i>)	785.000.000	2.662.306.836
Cộng	43.184.648.003	34.157.574.668

(a) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tỉnh Phú Thọ theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2009/HĐ ngày 30 tháng 06 năm 2009; Thời hạn hiệu lực của hợp đồng từ ngày 30 tháng 06 năm 2009 đến ngày 31 tháng 05 năm 2010; Hạn mức tín dụng là 53.000.000.000 đồng; Lãi suất cho vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm; Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

(b) Khoản vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đền Hùng theo Hợp đồng tín dụng số 09.31.0001 ngày 02 tháng 03 năm 2009; Thời hạn duy trì hạn mức cho vay từ ngày 02 tháng 03 năm 2009 đến ngày 20 tháng 02 năm 2010; Hạn mức cho vay là 15.000.000.000 đồng; Lãi suất trong hạn VND là 10.5%/năm; Lãi suất trong hạn ngoại tệ USD là 6%/năm; Lãi suất trong hạn ngoại tệ EUR là 6,5%/năm; Mục đích vay để trả tiền mua nguyên liệu, nhiên liệu, trả lương và chi phí khác phục vụ cho việc sản xuất gạch các loại.

(c) Khoản vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thị xã Phú Thọ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 09100075 ngày 27 tháng 02 năm 2009; Thời hạn duy trì hạn mức cho vay từ ngày 27 tháng 02 năm 2009 đến 27 tháng 02 năm 2010; Hạn mức cho vay là 15.000.000.000 đồng; Lãi suất trong hạn là 0,875%/tháng; Mục đích sử dụng tiền vay để sản xuất, kinh doanh gạch lát nền Ceramic;

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	27.658.234.879	79.751.271.548	68.565.672.277	38.843.834.150
<i>Ngân hàng ĐT và PT Việt Nam - CN Phú Thọ</i>	<i>20.835.883.024</i>	<i>75.773.172.516</i>	<i>59.661.221.390</i>	<i>36.947.834.150</i>
<i>Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Dền Hùng</i>	<i>6.822.351.855</i>	<i>2.082.099.032</i>	<i>8.904.450.887</i>	-
<i>Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Phú Thọ</i>	-	<i>1.896.000.000</i>		<i>1.896.000.000</i>
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	3.837.032.953	2.505.000.000	281.219.100	3.555.813.853
Vay dài hạn đến hạn trả	2.662.306.836	-	1.877.306.836	785.000.000
Cộng	34.157.574.668	159.046.666.908	70.724.198.213	43.184.648.003

15. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trình bày theo các đơn vị trực thuộc như sau:</i>		
Tại Văn phòng Công ty	26.643.375.508	18.020.044.213
Tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	243.189.991	407.740.191
Tại Chi nhánh Hà Nội	2.884.289.120	2.884.289.120
Cộng	29.770.854.619	21.312.073.524

16. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trình bày theo các đơn vị trực thuộc như sau:</i>		
Tại Văn phòng Công ty	333.529.863	559.946.140
Tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	108.136.025	493.029
Cộng	441.665.888	560.439.169

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.308.528.336	3.141.694.380	2.001.613.093	2.448.609.623
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.060.557.944	1.060.557.944	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	42.525.125	42.525.125	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.122.917.395	1.813.458.957	755.633.236	4.180.743.116
Thuế thu nhập cá nhân	48.359.016	1.341.024	16.780	49.683.260
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	41.400	641.043.000	320.542.000	320.542.400
Các loại thuế khác	39.484.571	5.000.000	5.000.000	39.484.571
Cộng	4.519.330.718	6.705.620.430	4.185.888.178	7.039.062.970

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.13.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh, thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động kinh doanh khác.

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay

Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (a)	1.768.030.748
---	---------------

Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh khác(b)	45.428.209
--	------------

Cộng	1.813.458.957
-------------	----------------------

(a) Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh được xác định như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.105.545.983
-----------------------------------	----------------

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	38.700.000
--	------------

- Các khoản điều chỉnh tăng	38.700.000
-----------------------------	------------

Chi phí thù lao hội đồng quản trị không tham gia điều hành	27.000.000
--	------------

Chi phí không hợp lý, hợp lệ	11.700.000
------------------------------	------------

- Các khoản điều chỉnh giảm	
-----------------------------	--

Tổng thu nhập chịu thuế	3.536.061.496
--------------------------------	----------------------

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%
--------------------------------------	-----

Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	3.536.061.496
--	----------------------

Thuế TNDN được giảm 50%	1.768.030.748
--------------------------------	----------------------

Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	-
--	----------

Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.768.030.748
--	----------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

(b) Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh khác được xác định như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
	<u>Năm nay</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	181.712.837
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Tổng thu nhập chịu thuế	181.712.837
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	45.428.209
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	45.428.209

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với các khu đất có thời hạn thuê là 50 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 1996 đến ngày 01 tháng 01 năm 2046, gồm:

<u>Khu đất</u>	<u>Diện tích</u>	<u>Tiền thuê đất năm 2010</u>
Khu đất Văn phòng tại Phường Tiên Cát - TP Việt Trì - Phú Thọ	75.289 m ²	632.428.000
Khu đất Quầy trung tâm tại Phường Tiên Cát - TP Việt Trì - Phú Thọ	245 m ²	8.575.000
Cộng	75.534 m²	641.003.000

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Chi phí phải trả

Là chi phí lãi vay phải trả.

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	186.545.369	191.089.877
Kinh phí công đoàn	441.152.740	471.011.740
Cổ tức phải trả	316.801.000	328.175.200
Chiết khấu thương mại phải trả đại lý	904.922.313	974.283.619
Lãi phải trả tiền ký quỹ cho các đại lý	-	36.750.000
Quỹ ủng hộ	-	74.792.702
Tiền thưởng doanh thu tiêu thụ cho các Đại lý	39.792.702	595.000.000
Khoản tiền thi nâng bậc phải trả cho CBCNV	22.800.000	22.800.000
Phải trả khác	45.029.753	13.775.750
Cộng	1.957.043.877	2.707.678.888

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	1.059.852
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	3.755.163.267
Chi quỹ	(2.430.400.000)
Số cuối kỳ	1.325.823.119

21. Phải trả dài hạn khác

Là khoản ký quỹ của các cửa hàng, đại lý.

22. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đền Hùng ^(a)	-	1.625.031.243
Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thị xã Phú Thọ ^(b)	9.665.000.000	9.665.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ ^(c)	-	588.617.241
Cộng	9.665.000.000	11.878.648.484

(a) Khoản vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đền Hùng theo Hợp đồng tín dụng số 07.25.0036 ngày 11 tháng 10 năm 2007; số tiền vay 2.600.000.000 đồng; thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày 11/10/2007 đến 11/10/2012, thời gian ân hạn 06 tháng; Lãi suất cho vay = Lãi suất cơ sở + Phí ngân hàng, lãi suất cơ sở tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 0,7%/tháng; Mục đích để xây mới, cải tạo, nâng cấp một số hạng mục nhà xưởng, kho nguyên liệu, kho thành phẩm, nhà trưng bày sản phẩm, sân vườn, tường rào bao quanh. Mua 2 xe ô tô gồm: 01 xe Toyota Camry, 01 xe ô tô Nissan X-trial Luxury.

(b) Khoản vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thị xã Phú Thọ theo Hợp đồng tín dụng số 07.02.0077 ngày 18 tháng 09 năm 2007 và phụ lục hợp đồng số 002 ngày 12/12/2008; Số tiền vay 20.000.000.000 đồng; Thời hạn vay 66 tháng kể từ ngày 18/09/2007 đến ngày 18/03/2013; Lãi suất trong hạn cho vay theo lãi suất thả nổi, lãi suất được xác định bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau do NHCT Việt Nam phát hành + phí 3,6%/năm, chu kỳ xác định lãi suất: 6 tháng/lần; Mục đích vay để xây dựng và lắp đặt thiết bị khí hóa than nguội phi 3,2m "01 lò" hai giai đoạn thay thế gas hóa lỏng sử dụng cho lò nung và sấy đứng, đầu tư máy ép thủy lực.

(c) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tỉnh Phú Thọ theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2008/HĐ ngày 08 tháng 01 năm 2008; Số tiền vay tối đa là 4.550.000.000 đồng, thời hạn vay kể từ ngày nhận món vay đầu tiên là 42 tháng, thời gian ân hạn 03 tháng; Lãi suất cho vay VNĐ bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng + phí Ngân hàng tối thiểu 3,3%/năm, lãi suất tại thời điểm hiện tại là 13,2%/năm. Mục đích vay để cải tạo nâng cấp dây chuyền sản xuất Sacmi, đầu tư cải tạo hệ thống nguồn điện, cải tạo lò nung Wellco của Công ty Cổ phần CMC. Khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án sau khi đầu tư.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn là trên 1 năm đến 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn**

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Đền Hùng	1.625.031.243	-	1.625.031.243	-
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Thị xã Phú Thọ	9.665.000.000	-	-	9.665.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Thọ	588.617.241	-	588.617.241	-
Cộng	11.878.648.484	-	2.213.648.484	9.665.000.000

23. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	151.063.935
Số trích lập trong kỳ	86.991.420
Số chi trong kỳ	(70.501.981)
Số cuối kỳ	167.553.374

24. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	40.000.000.000	4.505.949.156	-	6.225.281.042	50.731.230.198
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	19.383.080.069	19.383.080.069
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	311.264.052	(625.281.042)	(314.016.990)
Tăng do Thuế TNDN năm 2009 được giảm 50%	-	2.798.697.683	-	(2.798.697.683)	
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	(5.600.000.000)	(5.600.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm trước	-	-	-	(4.897.539.000)	(4.897.539.000)
Số dư cuối năm trước	40.000.000.000	7.304.646.839	311.264.052	11.686.843.386	59.302.754.277
Số dư đầu năm nay	40.000.000.000	7.304.646.839	311.264.052	11.686.843.386	59.302.754.277
Lợi nhuận trong kỳ nay	-	-	-	12.473.799.863	12.473.799.863
Tăng do Thuế TNDN năm 2009 được giảm 50%	-	-	829.219.119	(4.584.382.386)	(3.755.163.267)
Chia cổ tức	-	-	-	(7.102.461.000)	(7.102.461.000)
Số dư cuối kỳ nay	40.000.000.000	7.304.646.839	1.140.483.171	12.473.799.863	60.918.929.873

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Sông Hồng (Đại diện Quản lý phần vốn Nhà nước)	2.000.000.000	2.000.000.000
Các cổ đông khác	38.000.000.000	38.000.000.000
Cộng	40.000.000.000	40.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả bằng tiền trong kỳ như sau:

<i>Trả cổ tức của năm 2007</i>	12 560 000
<i>Trả cổ tức của năm 2008</i>	60 519 200
<i>Trả cổ tức của năm 2009</i>	7 040 756 000
Cộng	7.113.835.200

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.000.000	4.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	4.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.000.000	4.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
	Năm nay
Tổng doanh thu	110.976.531.287
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	2.038.473.300
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	108.938.057.987
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(2.167.318.710)
- <i>Chiết khấu thương mại</i>	(2.011.772.161)
- <i>Giảm giá hàng bán</i>	(53.566.549)
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	(101.980.000)
Doanh thu thuần	108.809.212.577
<i>Trong đó:</i>	
- <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	2.038.473.300
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	106.770.739.277

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
	Năm nay
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	1.549.973.508
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	81.527.361.918
Cộng	83.077.335.426

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi không kỳ hạn.

4. Chi phí tài chính

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay

Chi phí lãi vay phải trả ngân hàng

2.440.211.782

Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

1.134.220.091

Cộng

3.574.431.873

5. Chi phí bán hàng

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay

Chi phí nhân viên

1.398.408.547

Chi phí khấu hao TSCĐ

107.115.294

Chi phí dịch vụ mua ngoài

469.564.034

Chi phí bằng tiền khác

245.668.113

Hàng khuyến mại, cấp mẫu

406.437.989

Cộng

2.627.193.977

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay

Chi phí nhân viên quản lý

2.630.452.342

Chi phí vật liệu quản lý

1.512.567

Chi phí khấu hao TSCĐ

242.553.830

Thuế, phí và lệ phí

15.919.003

Chi phí dịch vụ mua ngoài

1.554.751.778

Chi phí bằng tiền khác

1.150.441.360

Cộng

5.595.630.880

7. Thu nhập khác

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay

Thu tiền bán phế liệu

269.637.367

Thu tiền cho các cán bộ CNV thuê nhà, điện,
nước sử dụng

12.640.000

Thu nhập khác

17.772.333

Cộng

300.049.700

8. Chi phí khác

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay

Giá trị phế liệu xuất bán trong năm

118.336.400

Chi phí khác

463

Cộng

118.336.863

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
	<u>Năm nay</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.473.799.863
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.473.799.863
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3.118</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.000.000	4.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>4.000.000</u>	<u>4.000.000</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
	<u>Năm nay</u>
Tiền lương	76.500.000
Cộng	<u>76.500.000</u>

2. Những thông tin so sánh

Công ty Cổ phần CMC không lập báo cáo tổng hợp giữa niên độ 6 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 nên trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 20 không có số liệu so sánh của năm 2009.

Lập, ngày 10 tháng 08 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Bình Minh

Dương Quốc Chính

Nguyễn Quang Huy